

**Phụ lục I**  
**BẢNG ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)*

STT	Loại cây	Giai đoạn	Tuổi cây	Đơn giá (đồng /cây)
1	Cây cà phê vối (mật độ trồng 1100 cây/ha)	Kiến Thiết cơ bản	Trồng mới và chăm sóc năm 1	120.000
			Chăm sóc năm 2	160.000
			Chăm sóc năm 3	220.000
		Kinh doanh	Kinh doanh năm 1	493.000
			Kinh doanh năm 2	677.000
			Kinh doanh năm 3	859.000
			Kinh doanh năm 4 đến năm 20	2.828.800
Kinh doanh năm thứ 21 trở đi, bằng 50% đơn giá kinh doanh năm 4 đến năm 20				
2	Cây cao su (mật độ trồng 555 cây/ha)	Kiến Thiết cơ bản	Trồng mới và chăm sóc năm 1	157.000
			Chăm sóc năm 2	206.000
			Chăm sóc năm 3	281.000
			Chăm sóc năm 4	331.000
			Chăm sóc năm 5	403.000
			Chăm sóc năm 6	454.000
			Chăm sóc năm 7	505.000
		Kinh doanh	Mở mới	578.000
			Kinh doanh năm 1 đến năm 10	1.381.000
			Kinh doanh năm 11 đến năm 20	2.279.000
Kinh doanh năm thứ 21 trở đi, bằng 50% đơn giá kinh doanh năm 11 đến năm 20				
3	Cây hồ tiêu trụ sống (mật độ trồng 1.600 cây/ha)	Kiến Thiết cơ bản	Trồng mới và chăm sóc năm 1	283.000
			Chăm sóc năm 2	335.000
			Chăm sóc năm 3	433.000
		Kinh doanh	Kinh doanh năm 1	653.000
			Kinh doanh năm 2	780.000
			Kinh doanh năm 3	907.000
			Kinh doanh năm 4 đến năm 20	2.073.000
Kinh doanh năm thứ 21 trở đi, bằng 50% đơn giá kinh doanh năm 4 đến năm 20				
4	Cây hồ tiêu trụ bê tông, trụ gỗ, trụ gạch (mật độ trồng)	Kiến Thiết cơ bản	Trồng mới và chăm sóc năm 1	383.000
			Chăm sóc năm 2	433.000
			Chăm sóc năm 3	524.000
		Kinh doanh	Kinh doanh năm 1	745.000
			Kinh doanh năm 2	873.000
			Kinh doanh năm 3	1.001.000

	1.600 cây/ha)		Kinh doanh năm 4 đến năm 20	2.179.000
			Kinh doanh năm 21 trở đi, bằng 50% đơn giá kinh doanh năm 4 đến năm 20	
5	Cây điều cao sản (mật độ trồng 280 cây/ha)	Kiến Thiết cơ bản	Trồng mới và chăm sóc năm 1	274.000
			Chăm sóc năm 2	382.000
			Chăm sóc năm 3	515.000
		Kinh doanh	Kinh doanh năm 1	985.000
			Kinh doanh năm 2	1.253.000
			Kinh doanh năm 3	1.531.000
			Kinh doanh năm 4 đến năm 20	3.875.000
		Kinh doanh năm 21 trở đi, bằng 50% đơn giá kinh doanh năm 4 đến năm 20		
6	Cây ca cao (mật độ trồng 1.100 cây/ha)	Kiến Thiết cơ bản	Trồng mới và chăm sóc năm 1	185.000
			Chăm sóc năm 2	219.000
			Chăm sóc năm 3	262.000
		Kinh doanh	Kinh doanh năm 1	415.000
			Kinh doanh năm 2	502.000
			Kinh doanh năm 3	589.000
			Kinh doanh năm thứ 4 đến năm 20	1.456.000
		Kinh doanh năm 21 trở đi, bằng 50% đơn giá kinh doanh năm 4 đến năm 20		
7	Một số quy định khác đối với cây lâu năm			
	<p>a) Cây cà phê chè, cà phê mít được tính bằng 80% đơn giá cà phê vối cùng loại và độ tuổi tương ứng.</p> <p>b) Cây cà phê ghép cải tạo (cưa đốn phục hồi) tuổi cây được tính theo tuổi của chồi ghép (chồi phục hồi).</p> <p>c) Cây trồng che bóng trong vườn cà phê: căn cứ Quyết định số 674/QĐ ngày 20/4/2005 của UBND tỉnh về ban hành Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến cà phê vối và Quyết định số 06/2002/QĐ-BNN ngày 09/1/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Tiêu chuẩn 10.TCN 478-2002 về Quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hoạch cà phê vối và các quy định khác có liên quan</p> <p>d) Cây điều thường (trồng bằng cây thực sinh, trồng hạt) mật độ: 400 cây tính bằng 50% đơn giá cây điều cao sản.</p> <p>d) Đơn giá bồi thường trên không bao gồm xác cây.</p>			